

Số: 130/2024/CV-KĐ

TP. HCM, ngày 23 tháng 10 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền
- Mã chứng khoán : KDH
- Địa chỉ : Phòng 1 và 2 Lầu 11, SaiGon Centre, 67 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 3820 8858 Fax: 028 3820 8859
- Email : info@khangdien.com.vn
2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền (“Công ty”) trân trọng công bố Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua kết quả phát hành và xử lý cổ phiếu lẻ thực tế phát sinh từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 cho cổ đông hiện hữu và thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 02/2024/NQ_ĐHĐCĐ ngày 23/4/2024.

(Chi tiết như Nghị quyết đính kèm)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 23 /10/2024 tại đường dẫn: <https://www.khangdien.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: Văn thư

CTCP ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH NHÀ KHANG ĐIỀN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



VƯƠNG VĂN MINH

Số: 29/2024/NQ_HDQT

TPHCM, ngày 23 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ KINH DOANH NHÀ KHANG ĐIỀN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ("**Điều Lệ**");
- Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ_ĐHĐCĐ ngày 23/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền;
- Căn cứ Biên bản họp số: 29/2024/BBH_HDQT ngày 23/10/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền ("**Công ty**").

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 cho cổ đông hiện hữu theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 02/2024/NQ_ĐHĐCĐ ngày 23/4/2024, chi tiết như sau:

Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	90.940.371 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phân phối:	90.938.850 cổ phiếu
Số cổ đông được phân phối:	12.583 cổ đông
Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh:	1.521 cổ phiếu



Điều 2: Thông qua hủy bỏ toàn bộ 1.521 cổ phiếu lẻ phát sinh từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 do làm tròn xuống đến hàng đơn vị theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 02/2024/NQ_ĐHĐCĐ ngày 23/4/2024.

Điều 3: Thông qua kết quả phát hành 10.800.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 02/2024/NQ_ĐHĐCĐ ngày 23/4/2024 như sau:

- Số cổ phiếu dự kiến phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty: 10.800.000 cổ phiếu;
- Số cổ phiếu đã phân phối theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty: 10.800.000 cổ phiếu;
- Số người lao động được phân phối: 233 người. Danh sách người lao động tham gia đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty được đính kèm Nghị quyết này;
- Ngày kết thúc đợt phát hành: 18/10/2024.

Điều 4: Thông qua toàn bộ số lượng cổ phiếu mới phát sinh từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty được đăng ký lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

Điều 5: Thông qua việc đăng ký tăng vốn điều lệ Công ty sau khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty như sau:

- Tăng vốn điều lệ Công ty từ 9.094.037.150.000 đồng (Chín nghìn, chín mươi bốn tỷ, ba mươi bảy triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) lên thành 10.111.425.650.000 đồng (Mười nghìn, một trăm mười một tỷ, bốn trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Số vốn điều lệ tăng thêm 1.017.388.500.000 đồng (Một nghìn, mười bảy tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó:
 - + Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 là: 909.388.500.000 đồng;
 - + Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty là: 108.000.000.000 đồng.
- Số lượng cổ phần sau khi tăng vốn: 1.011.142.565 cổ phần;
- Hình thức tăng vốn điều lệ: phát hành thêm 101.738.850 cổ phiếu của Công ty, trong đó:
 - + Phát hành 90.938.850 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023;
 - + Phát hành 10.800.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty.

Điều 6: Thông qua việc sửa đổi khoản 1 Điều 6 Điều lệ của Công ty về vốn điều lệ như sau:

“1. Vốn điều lệ của Công ty là 10.111.425.650.000 đồng (Mười nghìn, một trăm mười một tỷ, bốn trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng);

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.011.142.565 cổ phần (Một tỷ, mười một triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm sáu mươi lăm cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng một cổ phần).”

Điều 7: Giao quyền cho Tổng Giám đốc Công ty triển khai các thủ tục cần thiết, ký các văn bản, tài liệu, chứng từ liên quan để hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng nội dung Nghị quyết này và phù hợp quy định pháp luật.

Điều 8: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 9: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 9;
- Lưu HC - VT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT

Mai Trần Thanh Trang



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH NHÀ KHANG ĐIỀN
67 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO
CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2024/NQ_HĐQT ngày 23/10/2024
của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền)

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỢP TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Mai Trần Thanh Trang				17.000	1.300.000	1.300.000	22.100.000.000
2	Lý Điền Sơn				17.000	1.250.000	1.250.000	21.250.000.000
3	Vương Văn Minh				17.000	1.139.000	1.139.000	19.363.000.000
4	Lê Hoàng Khởi				17.000	790.000	790.000	13.430.000.000
5	Nguyễn Thùy Dương				17.000	770.000	770.000	13.090.000.000
6	Phạm Minh Nhứt				17.000	256.000	256.000	4.352.000.000
7	Phạm Thị Thu Thủy				17.000	176.000	176.000	2.992.000.000
8	Ngô Thị Thanh Tâm				17.000	160.000	160.000	2.720.000.000
9	Huỳnh Chí Tâm				17.000	152.000	152.000	2.584.000.000
10	Phạm Tuyết Trinh				17.000	55.000	55.000	935.000.000
11	Vũ Thị Ái Quyên				17.000	200.000	200.000	3.400.000.000
12	Lý Tuấn Kiệt				17.000	192.000	192.000	3.264.000.000
13	Nguyễn Thị Thu Hiền				17.000	160.000	160.000	2.720.000.000
14	Ca Hồ Anh Thư				17.000	152.000	152.000	2.584.000.000
15	Đặng Thị Cẩm Dung				17.000	100.000	100.000	1.700.000.000
16	Võ Thị Thúy Lan				17.000	163.000	163.000	2.771.000.000



STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỢ TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
17	Trịnh Ngọc Lợi				17.000	160.000	160.000	2.720.000.000
18	Lương Thị Hoàng Lan				17.000	151.000	151.000	2.567.000.000
19	Nguyễn Ngọc Anh				17.000	142.000	142.000	2.414.000.000
20	Lê Thị Thùy Huê				17.000	139.000	139.000	2.363.000.000
21	Nguyễn Phi Hùng				17.000	136.000	136.000	2.312.000.000
22	Đào Công Đạt				17.000	121.000	121.000	2.057.000.000
23	Võ Việt Tín				17.000	103.000	103.000	1.751.000.000
24	Đặng Thị Thùy Trang				17.000	64.000	64.000	1.088.000.000
25	Phan Quốc Dũng				17.000	46.000	46.000	782.000.000
26	Nguyễn Thanh Quang				17.000	40.000	40.000	680.000.000
27	Lê Trung Hiền				17.000	40.000	40.000	680.000.000
28	Trương Văn Ngọc				17.000	37.000	37.000	629.000.000
29	Quách Hoa Thiên Triều				17.000	40.000	40.000	680.000.000
30	Nguyễn Quốc Toàn				17.000	37.000	37.000	629.000.000
31	Lê Thị Mai Khanh				17.000	34.000	34.000	578.000.000
32	Nguyễn Hải Phương Linh				17.000	31.000	31.000	527.000.000
33	Huỳnh Ngọc Đức				17.000	31.000	31.000	527.000.000
34	Lê Anh Thông				17.000	28.000	28.000	476.000.000
35	Lâm Kim Ngọc				17.000	28.000	28.000	476.000.000
36	Phạm Lê Thị Hồng Yến				17.000	28.000	28.000	476.000.000
37	Trần Đức Thắng				17.000	25.000	25.000	425.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỢ TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
38	Phạm Hồng Phú				17.000	25.000	25.000	425.000.000
39	Huỳnh Ngọc Diễm Thùy				17.000	25.000	25.000	425.000.000
40	Nguyễn Đình Minh				17.000	25.000	25.000	425.000.000
41	Hồ Văn Huy Cường				17.000	25.000	25.000	425.000.000
42	Nguyễn Minh Hoàng				17.000	25.000	25.000	425.000.000
43	Triệu Văn Hiệp				17.000	25.000	25.000	425.000.000
44	Mạch Xuân My				17.000	25.000	25.000	425.000.000
45	Võ Tổ Quyên				17.000	25.000	25.000	425.000.000
46	Nguyễn Văn Tiệp				17.000	22.000	22.000	374.000.000
47	Ngô Phước Nguyên				17.000	19.000	19.000	323.000.000
48	Đoàn Hồng Minh				17.000	19.000	19.000	323.000.000
49	Dương Thụy Phương Khanh				17.000	19.000	19.000	323.000.000
50	Trần Thị Ngọc Dung				17.000	32.000	32.000	544.000.000
51	Nguyễn Thị Phương Uyên				17.000	32.000	32.000	544.000.000
52	Nguyễn Thành Ân				17.000	32.000	32.000	544.000.000
53	Trần Thanh Minh				17.000	28.000	28.000	476.000.000
54	Nguyễn Thị Quỳnh Trang				17.000	28.000	28.000	476.000.000
55	Lê Thị Thùy Diễm				17.000	26.000	26.000	442.000.000
56	Hoàng Đức Hùng				17.000	23.000	23.000	391.000.000
57	Lê Thanh Sang				17.000	22.000	22.000	374.000.000
58	Nguyễn Thị Huyền Trang				17.000	22.000	22.000	374.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỢ TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
59	Nguyễn Bá Tông				17.000	20.000	20.000	340.000.000
60	Nguyễn Phương Bình				17.000	18.000	18.000	306.000.000
61	Nguyễn Viết Hùng				17.000	18.000	18.000	306.000.000
62	Phan Thị Ngọc				17.000	16.000	16.000	272.000.000
63	Nguyễn Kim Phụng				17.000	16.000	16.000	272.000.000
64	Nguyễn Tuấn Thành				17.000	15.000	15.000	255.000.000
65	Lưu Nguyễn Huy Hoàng				17.000	15.000	15.000	255.000.000
66	Thái Thị Quang Đào				17.000	14.000	14.000	238.000.000
67	Lê Thị Thanh Vân				17.000	14.000	14.000	238.000.000
68	Trương Minh Lợi				17.000	13.000	13.000	221.000.000
69	Lê Trịnh Hồng Nhung				17.000	13.000	13.000	221.000.000
70	Liêu Kiện Toàn				17.000	13.000	13.000	221.000.000
71	Nguyễn Thị Linh Ngọc				17.000	21.000	21.000	357.000.000
72	Nguyễn Khuyến				17.000	21.000	21.000	357.000.000
73	Nguyễn Khoa Bảo Linh				17.000	18.000	18.000	306.000.000
74	Phạm Kim Long				17.000	18.000	18.000	306.000.000
75	Nguyễn Vũ Xuân Hương				17.000	17.000	17.000	289.000.000
76	Hồ Vũ Khanh				17.000	16.000	16.000	272.000.000
77	Khương Hữu Cường				17.000	16.000	16.000	272.000.000
78	Nguyễn Thị Hoàng Khánh				17.000	16.000	16.000	272.000.000
79	Nguyễn Thị Kim Cúc				17.000	16.000	16.000	272.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỢ TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
80	Nguyễn Thị Hoàng Hậu				17.000	16.000	16.000	272.000.000
81	Phạm Nguyên Tâm				17.000	16.000	16.000	272.000.000
82	Đặng Thế Lương				17.000	16.000	16.000	272.000.000
83	Nguyễn Thụy Loan Châu				17.000	16.000	16.000	272.000.000
84	Nguyễn Ngọc Nhã Uyên				17.000	15.000	15.000	255.000.000
85	Nguyễn Bá				17.000	15.000	15.000	255.000.000
86	Đặng Thị Tuyết				17.000	14.000	14.000	238.000.000
87	Lưu Thị Xuân Lai				17.000	14.000	14.000	238.000.000
88	Đỗ Thị Mỹ Lệ				17.000	14.000	14.000	238.000.000
89	Phạm Tiến Dũng				17.000	14.000	14.000	238.000.000
90	Nguyễn Thị Kim Hoàng				17.000	14.000	14.000	238.000.000
91	Nguyễn Thị Hồng Việt				17.000	14.000	14.000	238.000.000
92	Lê Thị Tuyết				17.000	14.000	14.000	238.000.000
93	Trần Duy Đức				17.000	13.000	13.000	221.000.000
94	Trần Thúy Diễm				17.000	13.000	13.000	221.000.000
95	Nguyễn Long Việt				17.000	13.000	13.000	221.000.000
96	Lê Thị Phương Linh				17.000	13.000	13.000	221.000.000
97	Nguyễn Quốc Cường				17.000	13.000	13.000	221.000.000
98	Huỳnh Đỗ Nhật Bình				17.000	12.000	12.000	204.000.000
99	Nguyễn Thị Tú Trinh				17.000	12.000	12.000	204.000.000
100	Nguyễn Thị Ngân Giang				17.000	11.000	11.000	187.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
101	Huỳnh Minh Trí				17.000	11.000	11.000	187.000.000
102	Nguyễn Nhất Hồng				17.000	11.000	11.000	187.000.000
103	Bùi Thanh Lam				17.000	11.000	11.000	187.000.000
104	Bùi Trí Thiện				17.000	11.000	11.000	187.000.000
105	Lê Quang Mẫn				17.000	11.000	11.000	187.000.000
106	Trần Thị Hòa				17.000	11.000	11.000	187.000.000
107	Trần Thị Mận				17.000	11.000	11.000	187.000.000
108	Nguyễn Văn Dũng				17.000	11.000	11.000	187.000.000
109	Mai Trần Thùy Trang				17.000	11.000	11.000	187.000.000
110	Huỳnh Võ Thiên Minh				17.000	11.000	11.000	187.000.000
111	Trần Bá Khuôn				17.000	11.000	11.000	187.000.000
112	Trần Ngọc Nguyên				17.000	11.000	11.000	187.000.000
113	Trần Thiện Luận				17.000	11.000	11.000	187.000.000
114	Lương Quốc Bằng				17.000	11.000	11.000	187.000.000
115	Bùi Trọng Nghĩa				17.000	11.000	11.000	187.000.000
116	Phạm Xuân Độ				17.000	11.000	11.000	187.000.000
117	Nguyễn Đức Hưng				17.000	11.000	11.000	187.000.000
118	Nguyễn Văn Danh				17.000	11.000	11.000	187.000.000
119	Huỳnh Đức Nhật				17.000	11.000	11.000	187.000.000
120	Phạm Thị Lan				17.000	11.000	11.000	187.000.000
121	Thị Thoại Vi				17.000	11.000	11.000	187.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
122	Lê Thị Huỳnh Như				17.000	10.000	10.000	170.000.000
123	Phạm Minh Anh				17.000	10.000	10.000	170.000.000
124	Phan Văn Tini				17.000	10.000	10.000	170.000.000
125	Phạm Thị Hiền				17.000	10.000	10.000	170.000.000
126	Lưu Thị Minh Hiếu				17.000	10.000	10.000	170.000.000
127	Nguyễn Trọng Trí				17.000	10.000	10.000	170.000.000
128	Nguyễn Thị Phương Thảo				17.000	10.000	10.000	170.000.000
129	Trần Lê Kiều Thu				17.000	9.000	9.000	153.000.000
130	Đặng Thị Phương Thảo				17.000	9.000	9.000	153.000.000
131	Nguyễn Thị Thu Hằng				17.000	9.000	9.000	153.000.000
132	Trần Thị Thảo Nguyên				17.000	9.000	9.000	153.000.000
133	Lê Thị Ngọc Bích				17.000	9.000	9.000	153.000.000
134	Nguyễn Hồng Điệp				17.000	9.000	9.000	153.000.000
135	Nguyễn Ngọc Vi Vân				17.000	9.000	9.000	153.000.000
136	Nguyễn Ngọc Trâm Anh				17.000	9.000	9.000	153.000.000
137	Nguyễn Quang Sáng				17.000	9.000	9.000	153.000.000
138	Nguyễn Thị Quý				17.000	9.000	9.000	153.000.000
139	Nguyễn Thị Thu Diễm				17.000	9.000	9.000	153.000.000
140	Tô Ngọc Thủy Tiên				17.000	9.000	9.000	153.000.000
141	Phan Thị Hậu				17.000	9.000	9.000	153.000.000
142	Dương Thị Ngọc Hằng				17.000	9.000	9.000	153.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
143	Trương Minh Triều				17.000	9.000	9.000	153.000.000
144	Phan Thị Thu Nga				17.000	9.000	9.000	153.000.000
145	Trần Thị Như Thủy				17.000	9.000	9.000	153.000.000
146	Phạm Thị Nguyệt Ánh				17.000	9.000	9.000	153.000.000
147	Trần Thị Tiểu Niên				17.000	9.000	9.000	153.000.000
148	Nguyễn Văn Phòng				17.000	9.000	9.000	153.000.000
149	Vương Thị Ngọc Anh				17.000	9.000	9.000	153.000.000
150	Lê Thị Hà				17.000	9.000	9.000	153.000.000
151	Nguyễn Ngọc Tuấn				17.000	8.000	8.000	136.000.000
152	Trần Thị Thanh Huyền				17.000	8.000	8.000	136.000.000
153	Lê Đình Nhu				17.000	8.000	8.000	136.000.000
154	Trần Thanh Đạt				17.000	8.000	8.000	136.000.000
155	Quách Minh Đức				17.000	8.000	8.000	136.000.000
156	Võ Thị Hồng Ngọc				17.000	8.000	8.000	136.000.000
157	Nguyễn Thanh Tùng				17.000	8.000	8.000	136.000.000
158	Lê Trường Hận				17.000	8.000	8.000	136.000.000
159	Tạ Văn Cường				17.000	8.000	8.000	136.000.000
160	Nguyễn Bá Quang				17.000	8.000	8.000	136.000.000
161	Nguyễn Chí Thành				17.000	8.000	8.000	136.000.000
162	Ngô Kiều Mi				17.000	8.000	8.000	136.000.000
163	Trần Thái Học				17.000	8.000	8.000	136.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỢ TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
164	Nguyễn Thị Thu Hương				17.000	8.000	8.000	136.000.000
165	Đặng Thị Hương				17.000	8.000	8.000	136.000.000
166	Huỳnh Lê Tuyết Phương				17.000	8.000	8.000	136.000.000
167	Võ Hoàng Đan Thanh				17.000	8.000	8.000	136.000.000
168	Nguyễn Tấn Trung				17.000	8.000	8.000	136.000.000
169	Văn Thị Trâm				17.000	8.000	8.000	136.000.000
170	Nguyễn Đình Nguyên				17.000	8.000	8.000	136.000.000
171	Trần Thanh Ngọc Phú				17.000	8.000	8.000	136.000.000
172	Nguyễn Thị Trúc Phương				17.000	8.000	8.000	136.000.000
173	Nguyễn Trần Yến Nhi				17.000	8.000	8.000	136.000.000
174	Phạm Lê Phương Thy				17.000	8.000	8.000	136.000.000
175	Phạm Thúy Đạt				17.000	8.000	8.000	136.000.000
176	Phan Quang Minh				17.000	8.000	8.000	136.000.000
177	Hồ Xuân Báu				17.000	8.000	8.000	136.000.000
178	Dương Thùy Linh				17.000	8.000	8.000	136.000.000
179	Tô Bá Phương				17.000	8.000	8.000	136.000.000
180	Nguyễn Kiến Thức				17.000	8.000	8.000	136.000.000
181	Võ Minh Tân				17.000	8.000	8.000	136.000.000
182	Mai Thị Tú Trinh				17.000	8.000	8.000	136.000.000
183	Võ Văn Khánh				17.000	8.000	8.000	136.000.000
184	Bùi Tiến Dũng				17.000	8.000	8.000	136.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỢP TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
185	Lê Hữu Lợi				17.000	8.000	8.000	136.000.000
186	Huỳnh Thị Thanh Diễm				17.000	8.000	8.000	136.000.000
187	Phan Thị Thu Dung				17.000	8.000	8.000	136.000.000
188	Bùi Tôn Thành				17.000	8.000	8.000	136.000.000
189	Trần Đông Hạ				17.000	8.000	8.000	136.000.000
190	Lê Thị Tuyết Trinh				17.000	8.000	8.000	136.000.000
191	Nguyễn Huy Đạt				17.000	8.000	8.000	136.000.000
192	Đặng Nguyễn Phi Bằng				17.000	8.000	8.000	136.000.000
193	Nguyễn Đức Mẫn				17.000	8.000	8.000	136.000.000
194	Ngô Thị Bích Ngọc				17.000	8.000	8.000	136.000.000
195	Phạm Lê Hoàng Thúy				17.000	8.000	8.000	136.000.000
196	Trần Nguyễn Băng Tâm				17.000	8.000	8.000	136.000.000
197	Nguyễn Thị Thanh Hằng				17.000	8.000	8.000	136.000.000
198	Huỳnh Ngọc Trà My				17.000	8.000	8.000	136.000.000
199	Đinh Công Hòa				17.000	8.000	8.000	136.000.000
200	Lưu Thoại Mẫn				17.000	8.000	8.000	136.000.000
201	Ngô Văn Thông				17.000	8.000	8.000	136.000.000
202	Lê Thị Bích Loan				17.000	8.000	8.000	136.000.000
203	Phạm Xuân Cường				17.000	8.000	8.000	136.000.000
204	Tăng Mạnh Tú				17.000	14.000	14.000	238.000.000
205	Đoàn Văn Sáu				17.000	14.000	14.000	238.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỢ TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
206	Võ Văn Phú				17.000	12.000	12.000	204.000.000
207	Đào Ngọc Lâm				17.000	11.000	11.000	187.000.000
208	Trần Thị Diễm Châu				17.000	11.000	11.000	187.000.000
209	Trần Duy Tùng				17.000	10.000	10.000	170.000.000
210	Lý Thị Huỳnh Hoa				17.000	8.000	8.000	136.000.000
211	Nguyễn Thành Tuấn				17.000	7.000	7.000	119.000.000
212	Lê Trung Lập				17.000	7.000	7.000	119.000.000
213	Nguyễn Hữu Trí				17.000	7.000	7.000	119.000.000
214	Nguyễn Phú Bảo				17.000	7.000	7.000	119.000.000
215	Nguyễn Hữu Nhân				17.000	7.000	7.000	119.000.000
216	Hồ Hồng Ngọc				17.000	7.000	7.000	119.000.000
217	Đặng Ngọc Mẫn				17.000	7.000	7.000	119.000.000
218	Nguyễn Duy Mỹ Hào				17.000	7.000	7.000	119.000.000
219	Dương Bá Hùng				17.000	7.000	7.000	119.000.000
220	Lê Quốc Hòa				17.000	7.000	7.000	119.000.000
221	Trần Thanh Điền				17.000	7.000	7.000	119.000.000
222	Nguyễn Thị Mỹ Tiên				17.000	7.000	7.000	119.000.000
223	Chu Thị Tuyết Nhung				17.000	7.000	7.000	119.000.000
224	Nguyễn Văn Thành				17.000	7.000	7.000	119.000.000
225	Nguyễn Xuân Nam				17.000	7.000	7.000	119.000.000
226	Nguyễn Minh Trung				17.000	7.000	7.000	119.000.000

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	GIÁ BÁN (đồng/CP)	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐƯỢC QUYỀN MUA	SỐ LƯỢNG CÓ PHIẾU ĐÃ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP TIỀN MUA	THÀNH TIỀN (đồng)
227	Nguyễn Thị Mi Ly				17.000	7.000	7.000	119.000.000
228	Trần Hữu Bảo				17.000	7.000	7.000	119.000.000
229	Nguyễn Quốc Thuận				17.000	7.000	7.000	119.000.000
230	Đoàn Trường Sơn				17.000	7.000	7.000	119.000.000
231	Nguyễn Thanh Nhân				17.000	7.000	7.000	119.000.000
232	Nguyễn Trần Phú				17.000	7.000	7.000	119.000.000
233	Nguyễn Huỳnh Quang Thoại				17.000	7.000	7.000	119.000.000
TỔNG CỘNG						10.800.000	10.800.000	183.600.000.000

TP. HCM, Ngày 23 tháng 10 năm 2024
 T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 CHỦ TỊCH HĐQT

 MAI TRẦN THANH TRANG

C.P. 1/1